

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 156/2024/HS-ST
Ngày: 16/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (địa chỉ: số A đường số F, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn P, sinh năm: 1989; Giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 222/2 đường B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 7C đường T, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn N và bà Phan Hồng Ú; vợ Trần Thị Kim S, có 02 con, con lớn sinh 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/9/2023 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: G đường T, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Lê Văn P là người nghiện ma túy đã từ tháng 04/2023. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/9/2023, Lê Văn P điều khiển xe mô tô biển số 59B1 – 534.37 đi từ nhà ở phường T đến Hẻm A, đường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, P mua của 01 người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng, P cho gói ma túy đá vào túi quần bên trái, phía trước và điều khiển xe mô tô về nhà. Đến khoảng 20 giờ 40 cùng ngày, khi Lê Văn P điều khiển xe đi đến gần cầu “Cà trê lớn” thuộc phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ công tác 363 - Công an Thành phố H nghi vấn chặn lại, kiểm tra hành chính, P dùng tay trái móc trong túi quần ném xuống đất gói ma túy thì bị phát hiện, bắt giữ sau đó tổ công tác đã đưa P cùng vật chứng về Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Lê Văn P dương tính với chất ma túy.

Quá trình điều tra, Lê Văn P khai nhận hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án

Kết quả xác định địa điểm nơi P mua ma túy và rà soát người bán ma túy: Không xác định được đối tượng bán ma túy cho P.

Kết luận giám định số 10367/KL-KTHS ngày 28/9/2023 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể không màu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2731 g, loại Methamphetamin.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Thanh Đ, Bùi Kim H1 (vụ 2056/23);

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh số sim: 0909958741, 0937814244;

- 01 xe mô tô biển số: 59B1 – 534.37, số máy: JF66E – 0737247, số khung: RLHJF5819GY358027.

Qua xác minh, xe mô tô biển số 59B1 – 534.37 là của chị Phạm Thị Mỹ H, em họ của vợ P, cùng ở chung nhà trọ số G đường T, khu phố B, phường T. Tối ngày 19/9/2023, P mượn xe đi mua đồ cho con thì H đồng ý. Chị H không biết Lê Văn P sử dụng dụng cụ trên để mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T chưa trả xe cho chị H.

[2] Bản Cáo trạng số 129/CT-VKSTĐ ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn P với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Lê Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 19/9/2023, Tổ công tác 363 – Công an Thành phố H tuần tra, đến gần cầu “Cá trê lớn” thuộc phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Lê Văn P điều khiển xe mô tô biển số 59B1-534.37 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Lê Văn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó Tổ công tác đã đưa P cùng vật chứng về Công an phường A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Lê Văn P đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, số ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,2731 g ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng nên thuộc trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do tính chất đặc biệt của chất ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội. Nhà nước ta cũng như cả thế giới đều ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, mọi hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc nếu có vi phạm. Vì động cơ thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã thực hiện hành vi cất giữ, tàng trữ một lượng ma túy nhất định, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem

thường pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Đối với người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) bán ma túy cho Lê Văn P, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Thanh Đ, Bùi Kim H1 (vụ 2056/23); Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh số sim: 0909958741, 0937814244, là công cụ phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

- 01 xe mô tô biển số: 59B1 – 534.37, số máy: JF66E – 0737247, số khung: RLHJF5819GY358027.

Qua xác minh, xe mô tô biển số 59B1 – 534.37 do anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1967 (là chủ cửa hàng xe máy Bảo Phúc, địa chỉ số D đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên sở hữu. Tháng 5 năm 2018, anh Q bán cho chị Phạm Thị Mỹ H với hình thức trả góp, mỗi tháng góp 3.050.000 đồng, đến nay chị H vẫn chưa trả xong. Anh Q giao xe mô tô biển số 59B1 – 534.37 cho chị H sử dụng, còn giấy đăng ký xe anh Q vẫn giữ, khi nào chị H trả góp xong thì hai bên sẽ ra phòng công chứng sang tên theo quy định. Tối ngày 19/9/2023, P mượn xe của chị H để đi mua đồ cho con. Chị H không biết việc P sử dụng xe trên đi mua ma túy. Xét thấy chị H không biết bị cáo sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô biển số 59B1 – 534.37 cho chị Phạm Thị Mỹ H.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Thanh Đ, Bùi Kim H1 (vụ 2056/23);

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh số sim: 0909958741, 0937814244;

- Trả lại cho chị Phạm Thị Mỹ H 01 (một) chiếc xe mô tô biển số: 59B1 – 534.37, số máy: JF66E – 0737247, số khung: RLHJF5819GY358027;

(Theo Phiếu nhập kho số NK24/208C ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Lê Văn P phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo Lê Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS Tp. Thủ Đức;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu